

DANH SÁCH CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUÝ

Hiệu lực từ ngày 16 tháng 10 năm 2025

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
1	AAA	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	30	30	-	30	30	-	16,000
2	ACB	HOSE	Ngân hàng TMCP Á Châu	50	50	-	50	50	-	-
3	ACC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	30	30	-	30	30	-	15,000
4	ACG	HOSE	Công ty cổ phần Gỗ An Cường	40	40	-	40	40	-	50,000
5	ACL	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	30	30	-	30	30	-	20,000
6	ADS	HOSE	Công ty Cổ phần Damsan	20	20	-	20	20	-	18,900
7	AGG	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	30	30	-	30	30	-	44,700
8	AGR	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	40	40	-	40	40	-	-
9	ANV	HOSE	Công ty Cổ phần Nam Việt	50	50	-	50	50	-	-
10	APG	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	-	30	30	-	30	30	11,000
11	ASM	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	40	40	-	40	40	-	20,000
12	AST	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	20	20	-	20	20	-	80,000
13	BAF	HOSE	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	20	20	-	20	20	-	30,000
14	BCM	HOSE	Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
15	BFC	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	40	40	-	40	40	-	-
16	BHN	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội	20	20	-	20	20	-	-
17	BIC	HOSE	Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20	20	-	20	20	-	39,900
18	BID	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
19	BMI	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	50	50	-	50	50	-	38,700
20	BMP	HOSE	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	50	50	-	50	50	-	130,000
21	BSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	50	50	-	50	50	-	-
22	BSR	HOSE	CTCP Lọc Hóa dầu Bình Sơn	-	50	50	-	50	50	-
23	BTP	HOSE	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	30	30	-	30	30	-	-
24	BTW	HNX	CTCP Cấp nước Bến Thành	20	20	-	20	20	-	-
25	BVH	HOSE	Tập đoàn Bảo Việt	50	50	-	50	50	-	60,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
26	BVS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	50	50	-	50	50	-	60,000
27	BWE	HOSE	Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	50	50	-	50	50	-	75,000
28	CCL	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	30	30	-	30	30	-	12,000
29	CDC	HOSE	Công ty Cổ phần Chương Dương	40	40	-	40	40	-	30,000
30	CDN	HNX	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	30	30	-	30	30	-	-
31	CEO	HNX	CTCP Tập đoàn C.E.O	30	40	10	30	40	10	30,000
32	CHP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	40	40	-	40	40	-	-
33	CII	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	40	40	-	40	40	-	-
34	CKG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn CIC	40	40	-	40	40	-	33,600
35	CLC	HOSE	Công ty Cổ phần Cát Lợi	40	40	-	40	40	-	67,600
36	CLH	HNX	CTCP Xi măng La Hiên VVMI	20	20	-	20	20	-	-
37	CLL	HOSE	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	30	30	-	30	30	-	-
38	CMG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	40	40	-	40	40	-	-
39	CNG	HOSE	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
40	CSC	HNX	CTCP Tập đoàn COTANA	20	20	-	20	20	-	40,000
41	CSM	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	30	30	-	30	30	-	20,000
42	CST	HNX	Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV	-	30	30	-	30	30	30,000
43	CSV	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam	50	50	-	50	50	-	-
44	CTD	HOSE	Công ty Cổ phần Xây dựng COTECCONS	50	50	-	50	50	-	100,000
45	CTF	HOSE	Công ty Cổ phần City Auto	20	20	-	20	20	-	15,000
46	CTG	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
47	CTI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	50	-	50	50	-	-
48	CTR	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel	50	50	-	50	50	-	100,000
49	CTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
50	CVT	HOSE	Công ty Cổ phần CMC	20	20	-	20	20	-	40,000
51	D2D	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	20	20	-	20	20	-	35,000
52	DBC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
53	DBD	HOSE	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	50	50	-	50	50	-	80,000
54	DCL	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	20	20	-	20	20	-	32,000
55	DCM	HOSE	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	50	50	-	50	50	-	-
56	DGC	HOSE	CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	50	50	-	50	50	-	-
57	DGW	HOSE	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	50	50	-	50	50	-	-
58	DHA	HOSE	Công ty Cổ phần Hóa An	50	50	-	50	50	-	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
59	DHC	HOSE	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	50	50	-	50	50	-	-
60	DHG	HOSE	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	50	50	-	50	50	-	150,000
61	DHT	HNX	CTCP Dược phẩm Hà Tây	40	40	-	40	40	-	50,000
62	DIG	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	50	50	-	50	50	-	40,000
63	DMC	HOSE	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	30	30	-	30	30	-	-
64	DNP	HNX	Công ty cổ phần DNP Holding	25	25	-	25	25	-	-
65	DP3	HNX	CTCP Dược phẩm Trung ương 3	20	20	-	20	20	-	-
66	DPG	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	50	50	-	50	50	-	115,300
67	DPM	HOSE	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
68	DPR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	50	50	-	50	50	-	80,000
69	DRC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	50	50	-	50	50	-	45,000
70	DSC	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán DSC	20	20	-	20	20	-	-
71	DSE	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	30	30	-	30	30	-	-
72	DSN	HOSE	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	50	50	-	50	50	-	70,000
73	DTD	HNX	CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt	30	30	-	30	30	-	35,000
74	DVM	HNX	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	20	20	-	20	20	-	20,000
75	DVP	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	40	40	-	40	40	-	80,000
76	DXG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	50	50	-	50	50	-	20,000
77	DXP	HNX	CTCP Cảng Đoạn Xá	40	40	-	40	40	-	20,000
78	DXS	HOSE	Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	30	30	-	30	30	-	10,000
79	E1VFN30	HOSE	Chỉ số Quỹ ETF DCFMVN30	50	50	-	50	50	-	-
80	EIB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
81	EID	HNX	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	20	20	-	20	20	-	30,000
82	ELC	HOSE	Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom	20	20	-	20	20	-	-
83	EVE	HOSE	Công ty Cổ phần Everpia	-	40	40	-	40	40	-
84	EVF	HOSE	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực	20	20	-	20	20	-	-
85	EVS	HNX	Công ty cổ phần Chứng khoán EVS	30	30	-	30	30	-	20,000
86	FIR	HOSE	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	20	20	-	20	20	-	15,000
87	FMC	HOSE	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	50	50	-	50	50	-	83,200
88	FPT	HOSE	Công ty Cổ phần FPT	50	50	-	50	50	-	-
89	FRT	HOSE	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	50	50	-	50	50	-	-
90	FTS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	50	50	-	50	50	-	-
91	FUEBFVN	HOSE	Chỉ số quỹ ETF BVFVN DIAMOND	50	50	-	50	50	-	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
92	FUEDCMID	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP	50	50	-	50	50	-	-
93	FUEFCV50	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50	50	50	-	50	50	-	-
94	FUEKIVFS	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT	50	50	-	50	50	-	-
95	FUEMAV30	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF MAFM VN30	50	50	-	50	50	-	-
96	FUEMAVND	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND	50	50	-	50	50	-	-
97	FUESSV30	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF SSIAM VN30	50	50	-	50	50	-	-
98	FUESSV50	HOSE	Chứng chỉ quỹ ETF SSIAM VNX50	50	50	-	50	50	-	-
99	FUESSVFL	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	50	50	-	50	50	-	-
100	FUEVFNVD	HOSE	Chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	50	50	-	50	50	-	-
101	FUEVN100	HOSE	Công ty cổ phần Quản Lý Quỹ VinaCapital (Quỹ ETF VINACAPITALVN100)	50	50	-	50	50	-	-
102	GAS	HOSE	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
103	GDT	HOSE	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	50	50	-	50	50	-	50,000
104	GEG	HOSE	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	30	30	-	30	30	-	-
105	GEX	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	50	50	-	50	50	-	-
106	GIL	HOSE	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	30	-	(30)	30	-	(30)	-
107	GMD	HOSE	Công ty Cổ phần GEMADEPT	50	50	-	50	50	-	-
108	GSP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	40	40	-	40	40	-	20,000
109	GVR	HOSE	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
110	HAG	HOSE	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	-	30	30	-	30	30	15,000
111	HAH	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	50	50	-	50	50	-	-
112	HAX	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	50	50	-	50	50	-	30,000
113	HCD	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	20	20	-	20	20	-	12,000
114	HCM	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	50	50	-	50	50	-	-
115	HDB	HOSE	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	50	50	-	50	50	-	-
116	HDC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu	50	50	-	50	50	-	-
117	HDG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	50	50	-	50	50	-	-
118	HHP	HOSE	Công ty cổ phần HHP GLOBAL	20	20	-	20	20	-	14,000
119	HHS	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	20	20	-	20	20	-	12,000
120	HHV	HOSE	CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	50	50	-	50	50	-	-
121	HJS	HNX	CTCP Thủy điện Nậm Mu	20	20	-	20	20	-	-
122	HMC	HOSE	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	20	20	-	20	20	-	15,000
123	HPG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	50	50	-	50	50	-	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
124	HQC	HOSE	Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	20	20	-	20	20	-	10,000
125	HSG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	50	50	-	50	50	-	40,000
126	HT1	HOSE	CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên	40	40	-	40	40	-	24,100
127	HTG	HOSE	Tổng công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	40	40	-	40	40	-	-
128	HTN	HOSE	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	20	20	-	20	20	-	18,000
129	HUB	HOSE	Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	20	20	-	20	20	-	25,000
130	HUT	HNX	CTCP Tasco	50	50	-	50	50	-	35,000
131	HVH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	20	20	-	20	20	-	10,300
132	HVT	HNX	CTCP Hóa chất Việt Trì	40	40	-	40	40	-	-
133	IDC	HNX	Tổng Công ty IDICO - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
134	IDI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	40	40	-	40	40	-	23,700
135	IDV	HNX	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	30	30	-	30	30	-	50,000
136	IJC	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	40	40	-	40	40	-	21,600
137	ILB	HOSE	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	40	40	-	40	40	-	-
138	IMP	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	50	50	-	50	50	-	100,000
139	INN	HNX	CTCP Bao bì và In Nông nghiệp	40	40	-	40	40	-	-
140	IPA	HNX	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	20	20	-	20	20	-	31,000
141	ITC	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà	40	40	-	40	40	-	-
142	ITD	HOSE	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	20	20	-	20	20	-	16,000
143	KBC	HOSE	Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
144	KDC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	50	50	-	50	50	-	-
145	KDH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	50	50	-	50	50	-	-
146	KHG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	45	50	5	45	50	5	8,000
147	KSB	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	50	50	-	50	50	-	-
148	L14	HNX	CTCP Licogi 14	20	20	-	20	20	-	60,000
149	LAS	HNX	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	30	30	-	30	30	-	25,000
150	LBM	HOSE	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng	20	20	-	20	20	-	76,800
151	LCG	HOSE	Công ty cổ phần LIZEN	40	40	-	40	40	-	15,000
152	LHC	HNX	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	30	30	-	30	30	-	80,000
153	LHG	HOSE	Công ty Cổ phần Long Hậu	50	50	-	50	50	-	-
154	LIX	HOSE	Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	40	40	-	40	40	-	-
155	LPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
156	LSS	HOSE	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	40	40	-	40	40	-	15,000
157	MBB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	50	50	-	50	50	-	-
158	MBS	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	50	50	-	50	50	-	-
159	MCM	HOSE	Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	50	50	-	50	50	-	50,000
160	MIG	HOSE	Tổng Công ty cổ phần Bảo Hiểm Quân Đội	50	50	-	50	50	-	30,000
161	MSB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
162	MSH	HOSE	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	50	50	-	50	50	-	64,400
163	MSN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	50	50	-	50	50	-	-
164	MWG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	50	50	-	50	50	-	-
165	NAB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	20	20	-	20	20	-	24,500
166	NAF	HOSE	Công ty Cổ phần Nafoods Group	30	30	-	30	30	-	25,000
167	NBB	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	10	10	-	10	10	-	28,000
168	NBC	HNX	CTCP Than Núi Béo - Vinacomin	20	20	-	20	20	-	20,000
169	NCT	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	50	50	-	50	50	-	120,000
170	NDN	HNX	CTCP Đầu tư phát triển Nhà Đà Nẵng	20	20	-	20	20	-	20,000
171	NET	HNX	Công ty Cổ Phần Bột Giặt NET	20	20	-	20	20	-	-
172	NHH	HOSE	CTCP Nhựa Hà Nội	30	30	-	30	30	-	29,500
173	NHT	HOSE	CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	10	10	-	10	10	-	20,000
174	NKG	HOSE	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	50	50	-	50	50	-	-
175	NLG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	50	50	-	50	50	-	-
176	NNC	HOSE	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	20	20	-	20	20	-	25,000
177	NSC	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	30	30	-	30	30	-	100,000
178	NT2	HOSE	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	50	50	-	50	50	-	40,000
179	NTL	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	50	50	-	50	50	-	60,000
180	NTP	HNX	CTCP Nhựa Thiếu niên- Tiền Phong	50	50	-	50	50	-	-
181	OCB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	50	50	-	50	50	-	40,000
182	OPC	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	50	50	-	50	50	-	30,000
183	ORS	HOSE	Công ty cổ phần chứng khoán Tiên Phong	-	20	20	-	20	20	-
184	PAC	HOSE	Công ty Cổ phần PinẮc quy miền Nam	50	50	-	50	50	-	57,400
185	PAN	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	50	50	-	50	50	-	40,000
186	PC1	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn PC1	50	50	-	50	50	-	-
187	PDR	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	30	30	-	30	30	-	20,000
188	PET	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	50	50	-	50	50	-	45,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
189	PGC	HOSE	Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần	20	20	-	20	20	-	18,900
190	PGD	HOSE	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	40	40	-	40	40	-	60,000
191	PGI	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	20	20	-	20	20	-	30,000
192	PGS	HNX	CTCP Kinh doanh Khí miền Nam	40	40	-	40	40	-	-
193	PGV	HOSE	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần	-	20	20	-	20	20	31,800
194	PHR	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	50	50	-	50	50	-	80,000
195	PLC	HNX	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
196	PLX	HOSE	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
197	PNJ	HOSE	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	50	50	-	50	50	-	-
198	POW	HOSE	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
199	PPC	HOSE	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	40	40	-	40	40	-	30,000
200	PSD	HNX	CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	30	30	-	30	30	-	20,000
201	PSI	HNX	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	20	20	-	20	20	-	15,000
202	PTB	HOSE	Công ty Cổ phần Phú Tài	50	50	-	50	50	-	107,500
203	PTI	HNX	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	20	20	-	20	20	-	70,000
204	PVB	HNX	CTCP Bọc Ống Dầu khí Việt Nam	40	40	-	40	40	-	-
205	PVC	HNX	Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	20	20	-	20	20	-	25,000
206	PVD	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	50	50	-	50	50	-	-
207	PVI	HNX	CTCP PVI	30	30	-	30	30	-	60,000
208	PVP	HOSE	CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	50	50	-	50	50	-	23,000
209	PVS	HNX	Tổng CTCP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
210	PVT	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	50	50	-	50	50	-	-
211	RAL	HOSE	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	20	20	-	20	20	-	200,000
212	REE	HOSE	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	50	50	-	50	50	-	100,000
213	S55	HNX	Công ty cổ phần Sông Đà 505	10	10	-	10	10	-	65,000
214	S99	HNX	Công ty cổ phần SCI	10	10	-	10	10	-	16,300
215	SAB	HOSE	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	50	50	-	50	50	-	90,000
216	SAM	HOSE	Công ty Cổ phần SAM Holdings	40	40	-	40	40	-	7,000
217	SAV	HOSE	Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	20	-	(20)	20	-	(20)	-
218	SBA	HOSE	Công ty Cổ phần Sông Ba	30	30	-	30	30	-	-
219	SBT	HOSE	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	50	50	-	50	50	-	21,700
220	SCR	HOSE	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	40	40	-	40	40	-	15,000
221	SCS	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	50	50	-	50	50	-	130,000

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
222	SFI	HOSE	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	20	20	-	20	20	-	48,200
223	SGN	HOSE	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	50	50	-	50	50	-	93,600
224	SGR	HOSE	Công ty cổ phần Tổng Công ty cổ phần Địa Ốc Sài Gòn	20	20	-	20	20	-	30,000
225	SHB	HOSE	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	50	50	-	50	50	-	-
226	SHI	HOSE	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	20	20	-	20	20	-	15,000
227	SHP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	30	30	-	30	30	-	-
228	SHS	HNX	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	50	50	-	50	50	-	25,000
229	SIP	HOSE	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG	50	50	-	50	50	-	-
230	SJD	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	30	30	-	30	30	-	20,000
231	SJE	HNX	CTCP Sông Đà 11	20	20	-	20	20	-	-
232	SJS	HOSE	Công ty cổ phần SJ GROUP	40	40	-	40	40	-	45,000
233	SKG	HOSE	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	30	30	-	30	30	-	20,500
234	SLS	HNX	CTCP Mía đường Sơn La	50	50	-	50	50	-	200,000
235	SMB	HOSE	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	40	40	-	40	40	-	50,000
236	SSB	HOSE	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	40	40	-	40	40	-	-
237	SSI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	50	50	-	50	50	-	-
238	ST8	HOSE	CTCP Tập Đoàn ST8	20	20	-	20	20	-	20,000
239	STB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	50	50	-	50	50	-	-
240	STG	HOSE	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	20	20	-	20	20	-	-
241	STK	HOSE	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ	30	30	-	30	30	-	45,000
242	SVC	HOSE	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	40	40	-	40	40	-	45,000
243	SZC	HOSE	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	50	50	-	50	50	-	-
244	TBC	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	30	30	-	30	30	-	-
245	TCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
246	TCH	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	40	40	-	40	40	-	15,000
247	TCL	HOSE	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	50	50	-	50	50	-	-
248	TCM	HOSE	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	50	50	-	50	50	-	68,000
249	TCO	HOSE	Cổ phiếu Công ty cổ phần TCO Holdings	20	20	-	20	20	-	20,000
250	TCT	HOSE	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	10	10	-	10	10	-	30,000
251	TDM	HOSE	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	50	50	-	50	50	-	-
252	TDP	HOSE	CTCP Thuận Đức	20	20	-	20	20	-	40,000
253	TEG	HOSE	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	30	30	-	30	30	-	12,000
254	THG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	50	50	-	50	50	-	65,900

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
255	THT	HNX	CTCP Than Hà Tu - Vinacomin	20	-	(20)	20	-	(20)	-
256	TIG	HNX	CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	-	-	-	-	-	-	-
257	TIP	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	30	30	-	30	30	-	38,600
258	TIX	HOSE	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh XNK Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	20	20	-	20	20	-	-
259	TLG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	50	50	-	50	50	-	80,000
260	TMP	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	30	30	-	30	30	-	-
261	TMS	HOSE	Công ty Cổ phần Transimex	30	30	-	30	30	-	90,000
262	TNC	HOSE	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	20	20	-	20	20	-	-
263	TNG	HNX	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	50	50	-	50	50	-	45,900
264	TNH	HOSE	Công ty cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH	50	-	(50)	50	-	(50)	-
265	TPB	HOSE	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	50	50	-	50	50	-	-
266	TRA	HOSE	Công ty Cổ phần Traphaco	40	40	-	40	40	-	109,700
267	TTA	HOSE	Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	20	20	-	20	20	-	15,000
268	TV2	HOSE	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	50	50	-	50	50	-	-
269	TVB	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	-	30	30	-	30	30	10,000
270	TVC	HNX	CTCP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	30	30	-	30	30	-	13,000
271	TVD	HNX	CTCP Than Vàng Danh - Vinacomin	20	20	-	20	20	-	22,000
272	TVS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	30	40	10	30	40	10	26,000
273	VC3	HNX	Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 3 - Vinaconex 3	10	10	-	10	10	-	30,000
274	VC7	HNX	Công ty cổ phần Tập đoàn BGI	10	10	-	10	10	-	30,000
275	VCB	HOSE	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
276	VCG	HOSE	Tổng CTCP XNK và Xây dựng Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
277	VCI	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	50	50	-	50	50	-	-
278	VCS	HNX	Công ty cổ phần VICOSTONE	50	50	-	50	50	-	100,000
279	VDP	HOSE	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidipha	30	30	-	30	30	-	50,000
280	VDS	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	50	50	-	50	50	-	-
281	VFG	HOSE	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	20	20	-	20	20	-	60,000
282	VGC	HOSE	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	50	50	-	50	50	-	-
283	VGS	HNX	Công ty Cổ Phần Ống thép Việt Đức VGPIPE	40	40	-	40	40	-	36,000
284	VHC	HOSE	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	50	50	-	50	50	-	-
285	VHM	HOSE	Công ty Cổ phần Vinhomes	50	50	-	50	50	-	-
286	VIB	HOSE	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-

STT	Mã CK	Sàn	Tên Công ty	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) cũ (%)	Tỷ lệ cho vay (tính sức mua) hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Tỷ lệ tính tài sản cũ (%)	Tỷ lệ tính tài sản hiện hành (%)	Chênh lệch (%)	Giá chặn (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)	(9)	(10)=(9)-(8)	(11)
287	VIC	HOSE	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	50	50	-	50	50	-	-
288	VIP	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	50	50	-	50	50	-	-
289	VIX	HOSE	Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	50	50	-	50	50	-	-
290	VJC	HOSE	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	50	50	-	50	50	-	120,000
291	VND	HOSE	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	50	50	-	50	50	-	-
292	VNF	HNX	CTCP Vinafreight	20	20	-	20	20	-	15,000
293	VNM	HOSE	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
294	VNS	HOSE	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	30	30	-	30	30	-	20,000
295	VOS	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	30	-	(30)	30	-	(30)	-
296	VPB	HOSE	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	50	50	-	50	50	-	-
297	VPD	HOSE	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	40	40	-	40	40	-	-
298	VPG	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	30	30	-	30	30	-	10,000
299	VPI	HOSE	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	30	30	-	30	30	-	-
300	VRC	HOSE	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	30	30	-	30	30	-	15,000
301	VRE	HOSE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	50	50	-	50	50	-	-
302	VSC	HOSE	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	50	50	-	50	50	-	-
303	VSH	HOSE	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	-	-	-	-	-	-	-
304	VTO	HOSE	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	50	-	(50)	50	-	(50)	-
305	VTP	HOSE	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	50	50	-	50	50	-	80,000
306	YEG	HOSE	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	20	20	-	20	20	-	19,000

Ghi chú:

1. Các cổ phiếu được phép giao dịch ký quỹ khác ngoài danh sách trên được xem như tỷ lệ cho vay (tính sức mua) là 0% (hay tỷ lệ ký quỹ là 100%).
2. TCSC bảo lưu quyền thay đổi tỷ lệ cho vay/tính sức mua/tỷ lệ tính tài sản và/hoặc bất kỳ giá trị nào trong danh sách trên mà không cần phải thông báo/được sự đồng thuận của khách hàng. Việc sắp xếp hay thay đổi này có thể dẫn đến yêu cầu nộp thêm tài sản thế chấp/lệnh gọi ký quỹ đối với tài khoản khách hàng.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRỊNH TẤN LỰC**